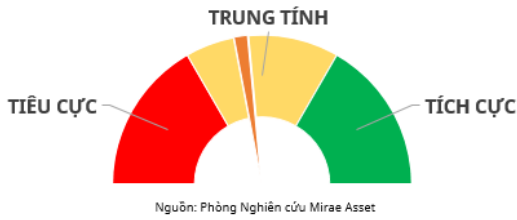


24 Tháng 08, 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeasset.com.vn](mailto:cs@miraeasset.com.vn)

## Nhận định thị trường

### Đà tăng tiếp tục được duy trì

Trái với diễn biến giảm điểm 3 phiên liên tục của thị trường chứng khoán Mỹ, VN-Index lại duy trì đà tăng ở phiên thứ 2 liên tiếp. Lực cầu mạnh giúp chỉ số này luôn giữ được sắc xanh trong phiên, và đóng cửa tăng gần 6,4 điểm, tương ứng 0,5%, dừng chân tại mốc 1,277 điểm. Thanh khoản khớp lệnh không có nhiều sự thay đổi với phiên trước, khi đạt gần 520 triệu đơn vị, tương ứng 12,800 tỷ về mặt giá trị.

Nhóm cổ phiếu lương thực bất ngờ tăng mạnh với TAR (+9,8%); PAN (+7%) và LTG (+6,5%). Bên cạnh đó, nhóm cổ phiếu sản xuất thiết bị điện như GEX (+4,1%) và KSD (+1,6%) cũng ghi nhận diễn biến tăng. Ngược chiều, nhóm chứng khoán phân hóa và chịu áp lực chốt lời như: SHS (-1,4%), BVS (-1,2%) và MBS (-0,97%).

Khối ngoại tiếp tục vị thế bán ròng trên cả 2 sàn HNX và HSX, với tổng giá trị ở mức hơn 156 tỷ đồng. Ở chiều bán, DGC và SSI bị bán mạnh nhất với giá trị lần lượt đạt 69 tỷ và 36 tỷ. Còn ở chiều ngược lại, VNM mua ròng hơn 155 tỷ và vị trí thứ 2 thuộc về PVD với hơn 55 tỷ.

Tiếp tục duy trì đà tăng đã giúp cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index được cải thiện tích cực khi tăng từ mức -4 điểm (TIÊU CỰC) lên mức đánh giá -1 điểm (TRUNG TÍNH). Hệ số P/E của VN-Index hiện tại đạt mức 13,7x.

**Trương Hoàng Tiến Hưng**, Analyst, 84-8-39102222, [hung.tht@miraeasset.com.vn](mailto:hung.tht@miraeasset.com.vn)

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

| Chỉ số             | Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*) | Trạng thái      |
|--------------------|-------------------------------|-----------------|
| VNINDEX            | -1                            | TRUNG TÍNH      |
| VN30               | -4                            | <b>TIÊU CỰC</b> |
| VN30F1M            | -2                            | TRUNG TÍNH      |
| VN DIAMOND         | 1                             | TRUNG TÍNH      |
| VN FIN SELECT      | -1                            | TRUNG TÍNH      |
| Shanghai Composite | -3                            | TRUNG TÍNH      |
| Kospi              | -6                            | <b>TIÊU CỰC</b> |
| Nikkei 225         | -5                            | <b>TIÊU CỰC</b> |
| FTSE 100 (EU)      | -5                            | <b>TIÊU CỰC</b> |
| Dow Jones          | -4                            | <b>TIÊU CỰC</b> |

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

### Tổng quan thị trường

|           | Thị giá   | 1D (%) | 1M (%) | 1Y (%) |
|-----------|-----------|--------|--------|--------|
| VN-INDEX  | 1,277.16  | 0.5    | 6.9    | -1.7   |
| HNX       | 301.30    | 0.7    | 4.3    | -9.2   |
| UPCOM     | 93.30     | 0.6    | 5.0    | 2.4    |
| MSCI EM   | 989.54    | -0.2   | -0.1   | -22.1  |
| NIKKEI    | 28,313.47 | -0.5   | 1.4    | 2.1    |
| HANG SENG | 19,268.74 | -1.2   | -6.5   | -25.1  |
| KOSPI     | 2,447.45  | 0.5    | 2.3    | -22.0  |
| FTSE      | 7,458.76  | -0.4   | 2.5    | 4.7    |
| S&P 500   | 4,128.73  | -0.2   | 4.2    | -8.0   |
| NASDAQ    | 12,381.30 | 0.0    | 4.6    | -17.6  |

### Định giá thị trường

|             | P/E (x) | P/B (x) | ROE (%) |
|-------------|---------|---------|---------|
| Vietnam     | 13.7    | 2.1     | 15.5    |
| Indonesia   | 15.4    | 2.2     | 13.5    |
| Philippines | 17.2    | 1.7     | 10.1    |
| Malaysia    | 16.6    | 1.5     | 8.7     |
| Thailand    | 16.8    | 1.7     | 9.5     |

### Lãi suất tham chiếu

|        | Thị giá | 1D (bps) | 1M (bps) | 1Y (bps) |
|--------|---------|----------|----------|----------|
| Cơ bản | 4.0     | 0        | 0        | 0        |
| 5 năm  | 3.1     | 1        | 37       | 223      |
| 10 năm | 3.5     | 1        | 24       | 146      |

### Tỷ giá ngoại hối

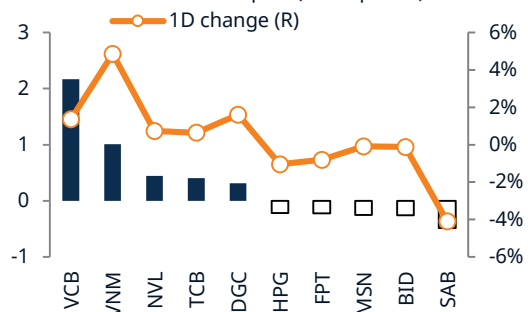
|          | Thị giá | 1D (%) | 1M (%) | 1Y (%) |
|----------|---------|--------|--------|--------|
| US\$/VND | 23,455  | -0.1   | -0.3   | -2.7   |
| US\$/KRW | 1,342.3 | 0.3    | -2.1   | -13.1  |
| US\$/JPY | 136.5   | 0.2    | 0.1    | -19.7  |
| US\$/EUR | 1.0     | 0.2    | 2.8    | 18.2   |
| US\$/GBP | 0.8     | 0.1    | 1.9    | 16.1   |
| US\$/SGD | 1.4     | -0.1   | -0.5   | -2.8   |

### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

|          | Gần nhất | TB 1 tháng | TB 1 năm |
|----------|----------|------------|----------|
| VN-INDEX | 531      | 565        | 877      |
| HNX      | 81       | 69         | 112      |
| UPCOM    | 41       | 33         | 68       |

### Các cổ phiếu tác động VN-Index

(points) ■ Index impact (index points) (% DoD) ○ 1D change (R)



Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

## Bản tin thị trường

## Phân tích kỹ thuật

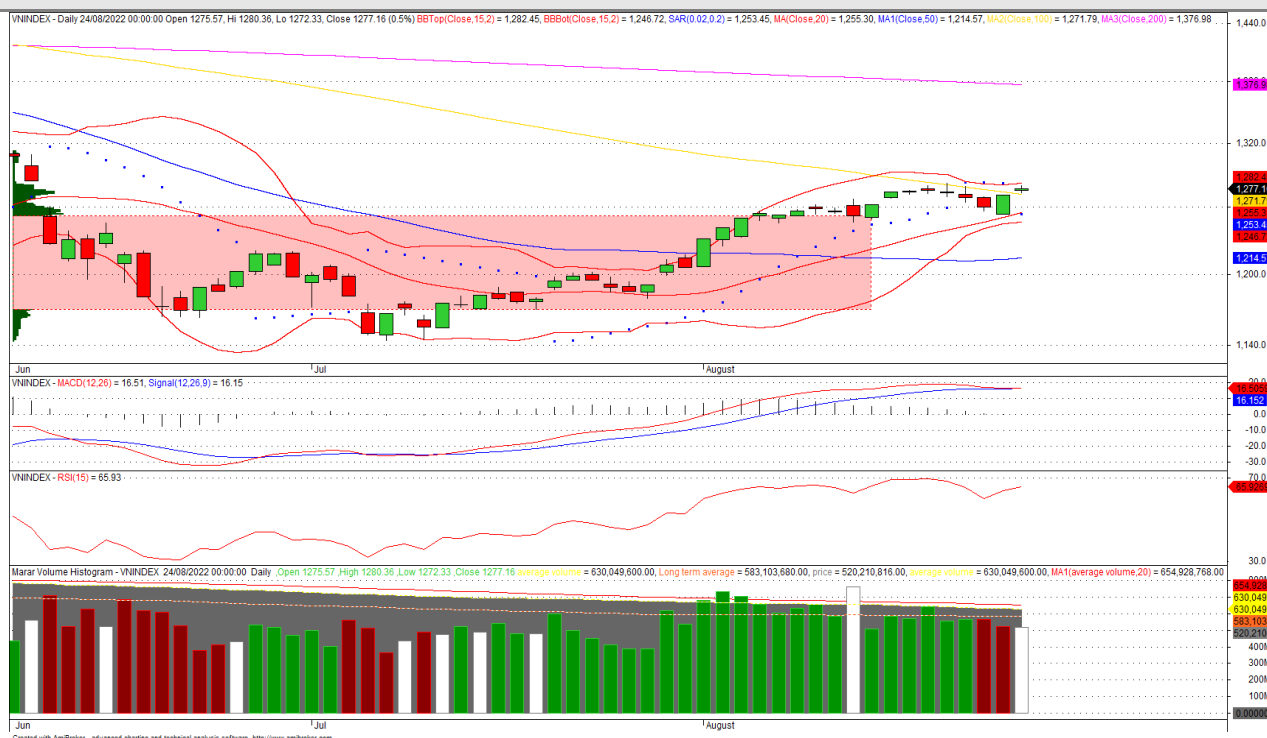
| Chỉ số        | Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*) | Trạng thái      |
|---------------|-------------------------------------------|-----------------|
| VNINDEX       | -1                                        | TRUNG TÍNH      |
| VN30          | -4                                        | <b>TIÊU CỰC</b> |
| VN30F1M       | -2                                        | TRUNG TÍNH      |
| VN DIAMOND    | 1                                         | TRUNG TÍNH      |
| VN FIN SELECT | -1                                        | TRUNG TÍNH      |

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

| Chỉ tiêu VN-Index                | Chỉ tiêu   | Điểm số      |
|----------------------------------|------------|--------------|
| Đóng cửa (24/08/2022)            | Kháng cự 1 | <b>1.271</b> |
| Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)   | Kháng cự 2 | <b>1.377</b> |
| Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng) | Hỗ trợ 1   | <b>1.255</b> |
| Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)  | Hỗ trợ 2   | <b>1.214</b> |

VN-Index đóng cửa trên ngưỡng kháng cự mạnh trong ngắn hạn tại 1271 điểm, tuy nhiên sẽ cần thêm 1-2 phiên để xác định rằng có chinh phục thành công hay không.

### Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

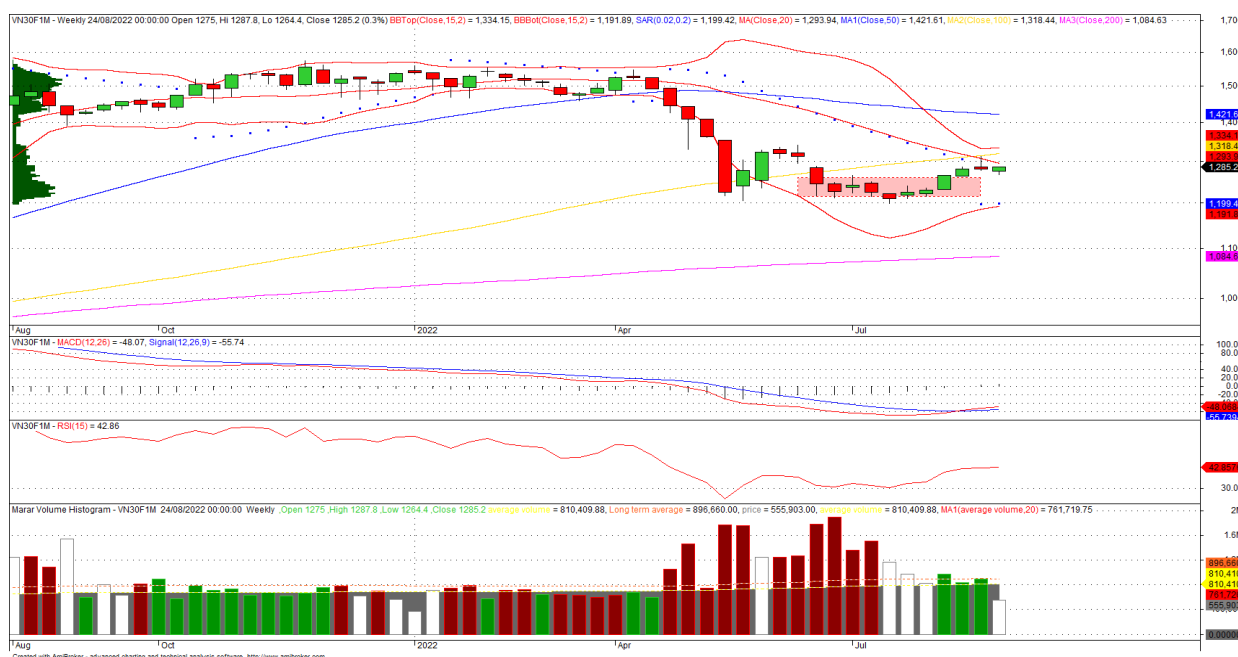
## CẬP NHẬT PHÁI SINH

| Chỉ tiêu                             |                 | Chỉ tiêu   | Điểm số      |
|--------------------------------------|-----------------|------------|--------------|
| VN30F1M - đóng cửa (23/08/2022)      | 1.285           | Kháng cự 1 | <b>1.300</b> |
| Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)       | <b>TIÊU CỰC</b> | Kháng cự 2 | <b>1.350</b> |
| VN30 - đóng cửa                      | 1.296           | Hỗ trợ 1   | <b>1.265</b> |
| Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b> | <b>-11.21</b>   | Hỗ trợ 2   | <b>1.200</b> |

| Chỉ số                  | Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*) | Trạng thái        |
|-------------------------|-------------------------------------------|-------------------|
| VN30F1M (chart 15 phút) | <b>+2</b>                                 | <b>TRUNG TÍNH</b> |
| VN30F1M (chart 60 phút) | <b>0</b>                                  | <b>TRUNG TÍNH</b> |
| VN30F1M (chart ngày)    | <b>-2</b>                                 | <b>TRUNG TÍNH</b> |

VN30F1M có thể kiểm định lại ngưỡng kháng cự trong ngắn hạn tại 1,293 điểm, thanh khoản có phần suy giảm.

## Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

| Mã  | Ngành             | Giá đóng cửa | KLTB 20 ngày | Điểm sức mạnh giá (*) | Điểm kỹ thuật ngắn hạn | Sức mạnh ngành (**) |
|-----|-------------------|--------------|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------|
| VNM | Thực phẩm         | 77,700       | 2,756,285    | 99                    | 7                      |                     |
| HAX | Phân phối ô tô    | 24,550       | 861,685      | 98                    | 5                      |                     |
| LHG | Khu công nghiệp   | 41,500       | 726,685      | 95                    | 5                      |                     |
| PET | Bán lẻ            | 41,800       | 925,475      | 94                    | 5                      | Top sức mạnh ngành  |
| VGC | Vật liệu xây dựng | 70,000       | 1,261,655    | 92                    | 7                      |                     |
| MWG | Bán lẻ            | 66,800       | 3,106,580    | 90                    | 4                      | Top sức mạnh ngành  |
| IDC | Bất động sản      | 67,500       | 2,728,915    | 90                    | 5                      |                     |
| IJC | Bất động sản      | 24,100       | 2,254,320    | 88                    | 4                      |                     |
| PVT | Vận tải Thủy      | 21,700       | 2,376,540    | 85                    | 4                      | Top sức mạnh ngành  |
| DGW | Bán lẻ            | 73,200       | 695,815      | 84                    | 5                      | Top sức mạnh ngành  |
| HDC | Bất động sản      | 54,000       | 1,817,050    | 82                    | 4                      |                     |
| FTS | Chứng khoán       | 39,150       | 1,256,950    | 81                    | 5                      |                     |
| CTD | Xây dựng          | 71,900       | 838,345      | 76                    | 6                      |                     |

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

| Mã (đơn vị) | Đóng cửa (kvnd) | KLTB 20N   | Điểm kỹ thuật (*) | Xu hướng ngắn hạn | Vốn hóa (tỷ đồng) | P/E (lần) | P/BV (lần) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|-----------------|------------|-------------------|-------------------|-------------------|-----------|------------|----------------|
| VNM         | 77.7            | 2,756,285  | 7                 | KHẢ QUAN          | 162,390           | 19.2      | 4.8        | 214            |
| REE         | 85              | 1,277,100  | 7                 | KHẢ QUAN          | 30,209            | 12.9      | 2.1        | 109            |
| VGC         | 70              | 1,261,655  | 7                 | KHẢ QUAN          | 31,385            | 16.1      | 4.1        | 88             |
| GAS         | 117.3           | 530,820    | 7                 | KHẢ QUAN          | 224,506           | 17.6      | 3.8        | 62             |
| DBC         | 28.4            | 6,776,705  | 6                 | KHẢ QUAN          | 6,873             | 25.1      | 1.5        | 192            |
| CTD         | 71.9            | 838,345    | 6                 | KHẢ QUAN          | 5,310             | #N/A N/A  | 0.6        | 60             |
| BSR         | 26              | 10,367,050 | 5                 | KHẢ QUAN          | 80,613            | 12.3      | 2.1        | 270            |
| PVS         | 27.9            | 8,742,240  | 5                 | KHẢ QUAN          | 13,335            | 25.3      | 1.1        | 244            |
| PVD         | 21.3            | 9,189,510  | 5                 | KHẢ QUAN          | 11,840            | #N/A N/A  | 0.9        | 196            |
| IDC         | 67.5            | 2,728,915  | 5                 | KHẢ QUAN          | 22,275            | 11.2      | 4.1        | 184            |
| PNJ         | 117.2           | 578,250    | 5                 | KHẢ QUAN          | 28,405            | 19.6      | 3.5        | 68             |
| DGW         | 73.2            | 695,815    | 5                 | KHẢ QUAN          | 11,937            | 16.3      | 5.6        | 51             |
| FTS         | 39.15           | 1,256,950  | 5                 | KHẢ QUAN          | 7,510             | 9.8       | 2.3        | 49             |
| IDJ         | 17.4            | 2,416,485  | 5                 | KHẢ QUAN          | 2,891             | 12.8      | 1.6        | 42             |
| PET         | 41.8            | 925,475    | 5                 | KHẢ QUAN          | 3,755             | 14.8      | 2.1        | 39             |
| VCI         | 38.25           | 6,258,440  | 4                 | KHẢ QUAN          | 16,658            | 10.9      | 2.3        | 239            |
| MWG         | 66.8            | 3,106,580  | 4                 | KHẢ QUAN          | 97,776            | 19.4      | 4.4        | 208            |
| FRT         | 88.3            | 1,837,065  | 4                 | KHẢ QUAN          | 10,461            | 17.6      | 5.7        | 162            |
| VIX         | 14.95           | 10,220,335 | 4                 | KHẢ QUAN          | 8,210             | 8.4       | 1.0        | 153            |
| HDC         | 54              | 1,817,050  | 4                 | KHẢ QUAN          | 5,837             | 17.6      | 3.7        | 98             |
| MSN         | 111.9           | 859,060    | 4                 | KHẢ QUAN          | 159,315           | 15.6      | 5.5        | 96             |
| VHC         | 87.7            | 909,410    | 4                 | KHẢ QUAN          | 16,082            | 7.8       | 2.2        | 80             |

|     |       |            |    |            |         |          |          |     |
|-----|-------|------------|----|------------|---------|----------|----------|-----|
| ANV | 53.1  | 1,452,760  | 4  | KHẢ QUAN   | 6,750   | 13.8     | 2.4      | 77  |
| PLX | 43.8  | 1,466,815  | 4  | KHẢ QUAN   | 55,652  | 85.2     | 2.4      | 64  |
| IJC | 24.1  | 2,254,320  | 4  | KHẢ QUAN   | 5,232   | 10.8     | 1.4      | 54  |
| PVT | 21.7  | 2,376,540  | 4  | KHẢ QUAN   | 7,023   | 10.9     | 1.3      | 52  |
| TCM | 48.5  | 943,375    | 4  | KHẢ QUAN   | 3,974   | 31.3     | 2.2      | 46  |
| VPB | 31.4  | 14,133,565 | 3  | TRUNG TÍNH | 140,530 | 8.4      | 1.5      | 444 |
| HAG | 12.65 | 23,043,656 | 3  | TRUNG TÍNH | 11,732  | 16.6     | 2.6      | 292 |
| DGC | 94.9  | 2,631,600  | 3  | TRUNG TÍNH | 35,231  | 7.6      | 3.9      | 250 |
| HDG | 55.5  | 2,296,835  | 3  | TRUNG TÍNH | 13,576  | 9.7      | 2.8      | 127 |
| SZC | 56    | 1,111,395  | 3  | TRUNG TÍNH | 5,600   | 24.6     | 3.8      | 62  |
| APG | 8.73  | 4,337,475  | 3  | TRUNG TÍNH | 1,277   | 3.9      | 0.7      | 38  |
| HCM | 28.25 | 8,767,325  | 2  | TRUNG TÍNH | 12,916  | 11.2     | 1.6      | 248 |
| SHB | 15.65 | 14,677,340 | 2  | TRUNG TÍNH | 41,737  | 5.7      | 1.1      | 230 |
| HNG | 7.2   | 13,289,800 | 2  | TRUNG TÍNH | 7,982   | #N/A N/A | 2.8      | 96  |
| BCG | 16    | 5,500,325  | 2  | TRUNG TÍNH | 8,456   | 8.9      | 1.2      | 88  |
| APS | 18.6  | 2,315,485  | 2  | TRUNG TÍNH | 1,544   | 6.2      | 1.1      | 43  |
| GEX | 25.55 | 10,562,670 | 1  | TRUNG TÍNH | 21,756  | 30.1     | 1.7      | 270 |
| VCB | 82    | 1,155,345  | 1  | TRUNG TÍNH | 388,066 | #N/A N/A | #N/A N/A | 95  |
| PHR | 69.6  | 719,955    | 1  | TRUNG TÍNH | 9,431   | 14.2     | 2.9      | 50  |
| PAN | 24.8  | 1,617,835  | 1  | TRUNG TÍNH | 5,181   | 13.3     | 1.2      | 40  |
| NKG | 21.95 | 12,234,340 | 0  | TRUNG TÍNH | 5,779   | 3.1      | 0.9      | 269 |
| POW | 14.05 | 13,092,025 | 0  | TRUNG TÍNH | 32,903  | 20.8     | 1.1      | 184 |
| HUT | 29.3  | 4,082,775  | 0  | TRUNG TÍNH | 10,215  | 38.8     | 2.6      | 120 |
| HBC | 20.3  | 5,763,890  | 0  | TRUNG TÍNH | 5,336   | 53.3     | 1.4      | 117 |
| PC1 | 40.2  | 1,729,985  | 0  | TRUNG TÍNH | 9,453   | 19.4     | 1.9      | 70  |
| MBB | 23.3  | 9,109,540  | -1 | TRUNG TÍNH | 105,642 | 6.7      | 1.6      | 212 |
| SSI | 25.25 | 21,387,640 | -2 | TRUNG TÍNH | 37,601  | 9.4      | 1.9      | 540 |
| STB | 25.4  | 13,489,930 | -2 | TRUNG TÍNH | 47,884  | 13.3     | 1.3      | 343 |
| KBC | 37.25 | 7,200,940  | -2 | TRUNG TÍNH | 28,593  | 11.4     | 1.7      | 268 |
| CII | 25.2  | 7,997,105  | -2 | TRUNG TÍNH | 6,356   | 20.1     | 1.2      | 202 |
| TCB | 39.25 | 4,465,100  | -2 | TRUNG TÍNH | 137,803 | 6.8      | 1.3      | 175 |
| FPT | 86.2  | 1,835,395  | -2 | TRUNG TÍNH | 94,564  | 19.1     | 4.8      | 158 |
| PDR | 56.4  | 2,443,470  | -2 | TRUNG TÍNH | 37,881  | 18.1     | 4.9      | 138 |
| LPB | 15.75 | 5,751,515  | -2 | TRUNG TÍNH | 23,681  | 4.9      | 1.0      | 91  |
| NLG | 43.1  | 2,020,285  | -2 | TRUNG TÍNH | 16,505  | 21.9     | 1.9      | 87  |
| VIC | 64.9  | 1,301,625  | -2 | TRUNG TÍNH | 247,524 | #N/A N/A | #N/A N/A | 84  |
| ACB | 24.85 | 3,368,055  | -2 | TRUNG TÍNH | 83,929  | 7.1      | 1.6      | 84  |
| KDC | 67    | 1,154,285  | -2 | TRUNG TÍNH | 16,859  | 30.0     | 2.5      | 77  |
| HDB | 25.9  | 2,806,670  | -2 | TRUNG TÍNH | 52,116  | 7.5      | 1.6      | 73  |
| TNG | 27.8  | 2,310,670  | -2 | TRUNG TÍNH | 2,783   | 9.6      | 1.9      | 64  |
| BVH | 56.9  | 1,127,030  | -2 | TRUNG TÍNH | 42,238  | 23.9     | 1.9      | 64  |
| MBS | 20.4  | 2,175,820  | -2 | TRUNG TÍNH | 7,293   | 10.7     | 2.0      | 44  |
| SBT | 17.95 | 2,156,040  | -2 | TRUNG TÍNH | 11,293  | 13.0     | 1.3      | 39  |
| GEG | 22.4  | 1,683,270  | -2 | TRUNG TÍNH | 7,211   | 23.0     | 2.0      | 38  |
| DCM | 33.15 | 4,019,745  | -3 | TRUNG TÍNH | 17,550  | 4.7      | 1.8      | 133 |
| VND | 22.6  | 23,934,776 | -4 | TIÊU CỰC   | 27,523  | 5.6      | 1.9      | 541 |
| NVL | 82.9  | 3,069,545  | -4 | TIÊU CỰC   | 161,641 | 50.2     | 4.4      | 254 |
| HSG | 21.35 | 11,231,970 | -4 | TIÊU CỰC   | 10,640  | 5.1      | 0.9      | 240 |

|     |       |            |    |          |         |       |     |     |
|-----|-------|------------|----|----------|---------|-------|-----|-----|
| CTG | 28.2  | 4,693,180  | -4 | TIÊU CỰC | 135,522 | 9.2   | 1.3 | 132 |
| DPM | 47.8  | 2,523,770  | -4 | TIÊU CỰC | 18,706  | 3.3   | 1.4 | 121 |
| VCG | 22.65 | 4,227,810  | -4 | TIÊU CỰC | 11,005  | 9.9   | 1.5 | 96  |
| HAH | 64.9  | 1,354,375  | -4 | TIÊU CỰC | 4,432   | 7.1   | 2.3 | 88  |
| VJC | 123.5 | 603,375    | -4 | TIÊU CỰC | 66,889  | 177.7 | 3.8 | 75  |
| BID | 39.3  | 1,850,300  | -4 | TIÊU CỰC | 198,800 | 15.3  | 2.2 | 73  |
| VPI | 65.3  | 1,056,280  | -4 | TIÊU CỰC | 14,366  | 24.1  | 4.4 | 69  |
| ITA | 7.9   | 8,512,780  | -4 | TIÊU CỰC | 7,413   | 23.2  | 0.7 | 67  |
| AAA | 12.35 | 5,220,165  | -4 | TIÊU CỰC | 4,721   | 13.4  | 0.8 | 64  |
| GMD | 52.1  | 1,224,490  | -4 | TIÊU CỰC | 15,702  | 19.3  | 2.3 | 64  |
| TPB | 28.1  | 2,148,030  | -4 | TIÊU CỰC | 44,447  | 8.0   | 1.5 | 60  |
| LCG | 11.9  | 4,899,290  | -4 | TIÊU CỰC | 2,257   | 12.0  | 0.9 | 58  |
| VIB | 25.1  | 2,235,945  | -4 | TIÊU CỰC | 52,903  | 7.4   | 1.9 | 56  |
| TCH | 12.1  | 4,290,770  | -4 | TIÊU CỰC | 8,085   | 18.0  | 0.9 | 52  |
| ASM | 15.7  | 3,236,265  | -4 | TIÊU CỰC | 5,283   | 6.3   | 1.0 | 51  |
| LDG | 11.2  | 4,535,430  | -4 | TIÊU CỰC | 2,682   | 18.8  | 0.8 | 51  |
| HQC | 5.12  | 8,586,160  | -4 | TIÊU CỰC | 2,440   | 300.6 | 0.6 | 44  |
| FCN | 15.7  | 2,728,430  | -4 | TIÊU CỰC | 2,472   | 80.5  | 0.9 | 43  |
| GVR | 24.15 | 1,695,200  | -4 | TIÊU CỰC | 96,600  | 20.5  | 2.0 | 41  |
| KSB | 28.1  | 1,448,080  | -4 | TIÊU CỰC | 2,144   | 11.0  | 1.1 | 41  |
| HPG | 23.5  | 32,498,024 | -6 | TIÊU CỰC | 136,647 | 5.0   | 1.4 | 764 |
| DIG | 39.6  | 8,230,960  | -6 | TIÊU CỰC | 24,150  | 22.5  | 3.2 | 326 |
| DXG | 28.35 | 9,873,100  | -6 | TIÊU CỰC | 17,223  | 23.2  | 1.8 | 280 |
| SHS | 14.1  | 15,437,760 | -6 | TIÊU CỰC | 11,466  | 11.3  | 1.2 | 218 |
| CEO | 33.3  | 6,451,870  | -6 | TIÊU CỰC | 8,569   | 34.3  | 2.8 | 215 |
| VHM | 59.7  | 2,343,275  | -6 | TIÊU CỰC | 259,956 | 9.3   | 2.2 | 140 |
| IDI | 20.35 | 3,168,070  | -6 | TIÊU CỰC | 4,633   | 9.0   | 1.4 | 64  |
| SCR | 12.05 | 5,262,370  | -6 | TIÊU CỰC | 4,415   | 33.6  | 0.9 | 63  |
| VRE | 28.6  | 1,731,125  | -6 | TIÊU CỰC | 64,988  | 50.1  | 2.0 | 50  |
| DPG | 46.8  | 948,015    | -6 | TIÊU CỰC | 2,948   | 8.0   | 2.0 | 44  |

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## **Thông tin cập nhật**

### **JPMorgan: Tháng 9 sẽ là lần cuối Fed tăng mạnh lãi suất**

Kỳ họp tháng 9 có thể là lần cuối cùng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) tăng mạnh lãi suất, tạo điều kiện cho thị trường chứng khoán bùng nổ trong nửa cuối năm nay, theo nhóm chuyên gia phân tích tới từ JPMorgan Chase & Co. “Chúng tôi dự báo một đợt tăng lãi suất mạnh khác trong tháng 9 và sau đó, Fed sẽ dừng gây bất ngờ cho các thị trường”, nhóm chuyên gia dẫn đầu bởi Mislav Matejka viết trong một báo cáo công bố ngày 22/8. Họ kỳ vọng Fed sẽ không tiếp tục đánh đổi tăng trưởng bằng cách siết chặt thêm chính sách tiền tệ sau thời điểm đó, và điều đó “giúp tiếp đà hồi phục cho thị trường”. Các chuyên gia tới từ JPMorgan tỏ ra lạc quan đối với triển vọng chứng khoán Mỹ. Họ đồng thời dự báo nhóm cổ phiếu tăng trưởng, vốn nhạy cảm với lãi suất, sẽ tăng mạnh hơn so với nhóm cổ phiếu giá trị, dù nhà đầu tư vẫn duy trì quan ngại rằng Fed sẽ tiếp tục theo đuổi quan điểm thắt chặt chính sách trong thời gian tới. Theo một khảo sát khác của Bloomberg, chuyên gia phân tích dự báo chỉ số S&P 500 có thể tăng trung bình thêm 3,5% từ ngưỡng điểm hiện tại tính tới hết năm 2022. Những tín hiệu cứng rắn từ phía các quan chức Fed trong tuần trước về lộ trình tăng lãi suất của Ngân hàng trung ương Mỹ đã cắt đứt chuỗi tăng điểm lên tới 4 tuần liên tiếp của chỉ số S&P 500. Cả ba chỉ số chính của chứng khoán Mỹ đồng loạt giảm điểm trong phiên giao dịch đầu tuần này trong bối cảnh nhà đầu tư gia tăng quan ngại Fed tiếp tục tăng mạnh lãi suất, với chỉ số Dow Jones và S&P 500 giảm mạnh nhất trong khoảng hai tháng gần đây.

### **Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công 8 tháng ước đạt 39,2% thấp hơn cùng kỳ năm ngoái**

Cũng theo Bộ Tài chính, 7 bộ và 12 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt trên 45%. Trong đó, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có tỷ lệ giải ngân đạt cao nhất, 73,17%; Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (51,91%), Tiền Giang (63,5%), Thái Bình (57,9%), Phú Thọ (57,2%), Long An (55,1%)...Ngoài ra, có 35 trên 51 bộ, cơ quan trung ương và 20 trên 63 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới 35%, trong đó, 27 bộ, cơ quan trung ương và 3 địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới 20%. Về tình hình thực hiện chế độ báo cáo, Bộ Tài chính mới nhận được báo cáo định kỳ tình hình giải ngân tháng 8 của 18 trên 51 bộ, cơ quan Trung ương và 54 trên 63 địa phương. Còn lại 33 trên 51 bộ, cơ quan Trung ương và 9 trên 63 địa phương Bộ Tài chính chưa nhận được báo cáo. Bộ Tài chính đề nghị các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng về đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công cũng như rà soát, đề xuất kịp thời việc điều chuyển kế hoạch vốn giữa các dự án chậm giải ngân sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt (bao gồm việc điều chuyển kế hoạch vốn của các dự án trọng điểm, có tính chất liên vùng, đường ven biển).

### **VST: Lũy kế gần 2.300 tỷ, nợ quá hạn hơn 550 tỷ đồng**

CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam ([UPCoM: VST](#)) vừa công bố BCTC bán niên soát xét với nhiều điểm đáng chú ý. Nửa đầu năm 2022, công ty đã ghi nhận doanh thu 420,2 tỷ đồng, gấp 2 lần cùng kỳ. Mặc dù doanh thu tăng mạnh nhưng đơn vị này lại ghi nhận khoản lỗ 275 triệu đồng sau nửa đầu năm. Lý do đơn vị này lỗ trong 2 quý vừa qua đến từ việc công ty đã ghi nhận 71,7 tỷ đồng chi phí tài chính, tăng 62% so với cùng kỳ trong đó phần lớn là chi phí lãi. Ngoài ra công ty còn bị phạt 44,7 tỷ đồng đối với các khoản vay quá hạn. Đơn vị này đã có 10 năm liên tiếp ghi nhận lỗ trong giai đoạn 2012-2021. Tính đến thời điểm 30/6, số lỗ lũy kế của VST là 2.262 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu âm 1.717 tỷ đồng. Ngoài ra, công ty còn đang có số nợ quá hạn thanh toán là 554 tỷ đồng. Trong báo cáo bán niên của VST, kiểm toán cũng đưa ra các ý kết luận loại trừ. Thứ nhất, đơn vị kiểm toán nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của VST. Tại thời điểm 30/6, nợ ngắn hạn của VST đã vượt quá tài sản ngắn hạn 1.886 tỷ đồng, lỗ lũy kế 2.363 tỷ đồng khiến vốn chủ sở hữu âm 1.717 tỷ đồng. Các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán là 554 tỷ đồng. Chi phí phải trả ngắn hạn, chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay quá hạn này là 1.210 tỷ đồng. Trong khi đó, đơn vị này chưa có phương án hiệu quả để khắc phục khả năng thanh toán cũng như tìm kiếm được nguồn tiền để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng tới trong điều kiện hoạt động bình thường. Ngoài ra, công ty này cũng đang đối mặt các vụ kiện của ngân hàng về việc phải thanh toán ngay các khoản vay. Do đó kiểm toán nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của công ty.

#### **MPC: chuẩn bị phát hành gần 200 triệu cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 1:1**

Tập đoàn thủy sản Minh Phú ([UPCoM: MPC](#)) công bố Nghị quyết HĐQT triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, doanh nghiệp sẽ phát hành gần 200 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 1:1 để thưởng cho cổ đông. Vốn điều lệ dự kiến gấp đôi lên gần 4.000 tỷ đồng. Nguồn thực hiện từ thặng dư vốn cổ phần theo BCTC riêng kiểm toán 2021. Thời điểm thực hiện trong năm nay sau khi có chấp thuận của UBCK. Theo Nghị quyết HĐQT thường niên 2022, cùng với thưởng cổ phiếu tỷ lệ 1:1, doanh nghiệp còn có phương án trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 23% cho năm 2021. Lần gần nhất công ty tăng vốn là chào bán 60 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư đến từ Nhật Bản – Mitsui & Co với giá 50.631 đồng/cp. Nhờ vậy mà công ty có thặng dư vốn cổ phần lớn 2.361 tỷ đồng. Như vậy, Minh Phú dùng gần hết thặng dư vốn từ đợt chào bán riêng lẻ 2019 để thưởng cho cổ đông. Về hoạt động kinh doanh, năm nay, công ty tôm lên kế hoạch doanh thu 18.963 tỷ đồng, tăng 39%; lãi sau thuế 1.267 tỷ đồng, tăng 93% so với thực hiện 2021. Kế hoạch cổ tức từ 50-70%. Nửa đầu năm, công ty báo cáo doanh thu 8.730 tỷ đồng, tăng 43%; lãi sau thuế 242 tỷ đồng, giảm 12,5%; lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ 242 tỷ đồng, giảm 4%. Như vậy, Minh Phú thực hiện được 46% mục tiêu doanh thu và 19% mục tiêu lợi nhuận năm. Cổ phiếu MPC chốt phiên ngày 23/8 có giá 42.200 đồng/cp, giảm 18% trong vòng 2 tháng.

#### **LTG: giải thể công ty con**

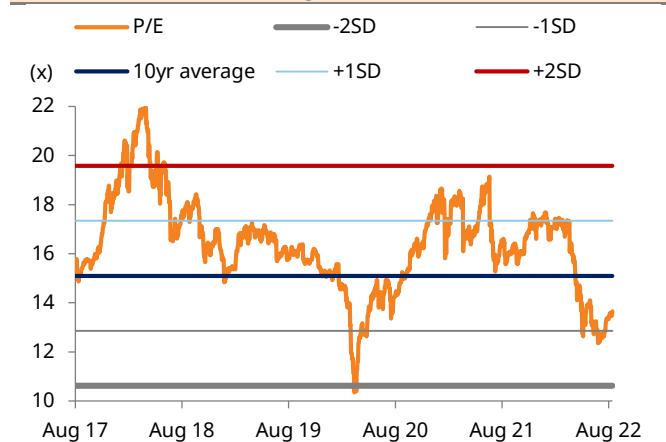
CTCP Tập đoàn Lộc Trời ([UPCoM: LTG](#)) vừa công bố các quyết định giải thể và chuyển nhượng vốn lần lượt đối với 2 đơn vị là CTCP Lộc Trời Miền Bắc và CTCP Giống cây trồng Lộc Trời. Theo đó, LTG sẽ giải thể CTCP Lộc Trời Miền Bắc, công ty con do LTG nắm giữ 99,98% vốn điều lệ. Báo cáo thường niên năm 2021 cho thấy vốn điều lệ của công ty con này là 8 tỷ đồng, hoạt động chính trong lĩnh vực trích ly dầu cám. Bên cạnh đó, LTG cũng thông qua phương án chuyển nhượng cổ phần của CTCP Giống cây trồng Lộc Trời. Công ty này có vốn điều lệ 56 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ sở hữu của LTG là 99,9%. Số cổ phần mà LTG sẽ chuyển nhượng là gần 5,6 triệu đơn vị với giá chuyển nhượng bằng mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Như vậy, LTG sẽ thu về gần 56 tỷ đồng, gần bằng với số tiền đã đầu tư vào Giống cây trồng Lộc Trời. Thời gian thực hiện là trong năm 2022. LTG thành lập Giống cây trồng Lộc Trời vào tháng 12/2021. Ngoài LTG, 2 cổ đông khác của Giống cây trồng Lộc Trời là Công ty TNHH dịch vụ nông nghiệp Lộc Trời và Viện Nghiên cứu nông nghiệp Lộc Trời. Đối tượng nhận chuyển nhượng là CTCP Nông sản Lộc Trời. Được biết, đây cũng là một trong số các công ty con của LTG, với vốn điều lệ 112 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu là 99,99%.

#### **HNG: HAGL chính thức tách bạch, giải trừ nghĩa vụ nợ tại BIDV với HAGL Agrico**

CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HAGL, mã chứng khoán HAG) vừa công bố nghị quyết về ký kết thoả thuận cam kết với CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HAGL Agrico, mã chứng khoán HNG) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV). Trong đó, HAGL sẽ thực hiện tách bạch, giải chấp/giải trừ nghĩa vụ đối với toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của HAGL Agrico và công ty con của HAGL Agrico (Nhóm HNG) ra khỏi nghĩa vụ trái phiếu HAGL 2016. Song song, HAGL cũng thoả thuận xử lý tách bạch, giải chấp nghĩa vụ đảm bảo đối với toàn bộ tài sản thuộc sở hữu HAGL và bên liên quan HAGL (Nhóm HAG) ra khỏi nghĩa vụ của Nhóm HNG tại các tổ chức tín dụng bao gồm BIDV. Như vậy, tài sản của HAGL chỉ đảm bảo cho nghĩa vụ đối với trái phiếu HAGL 2016. Ghi nhận tại BCTC hợp nhất quý 2/2022, dư nợ trái phiếu của HAG với BIDV là 5.876 tỷ đồng, đáo hạn vào ngày 30/12/2026. Cuối năm 2021, BIDV đã đồng ý hoàn trả 3 giấy tờ đất để bàn giao cho Thagrico theo đúng cam kết khi HAGL bán các công ty con vào năm 2019.

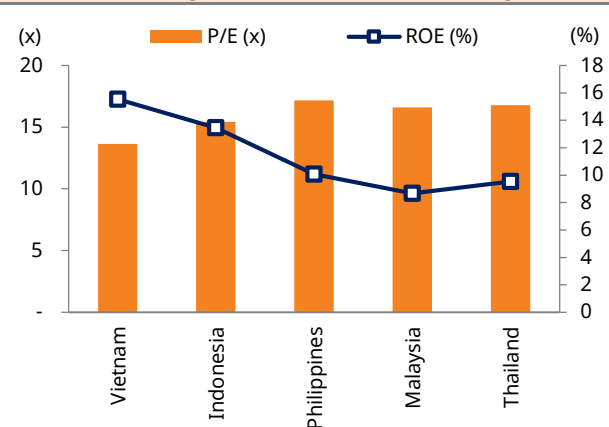
## Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

**Biểu đồ 2. VN Index: Định giá P/E lịch sử**



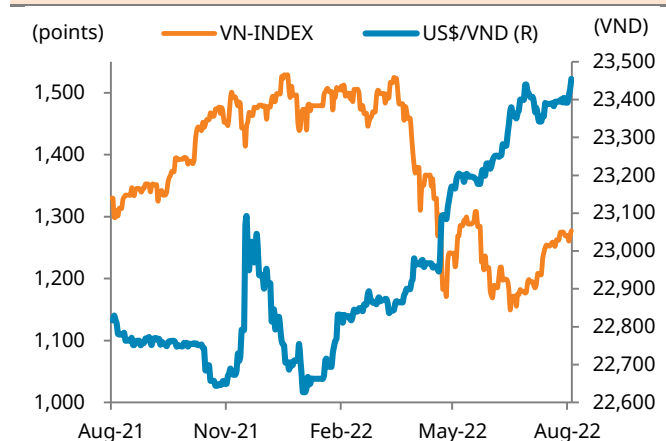
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. Định giá P/E và ROE các thị trường**



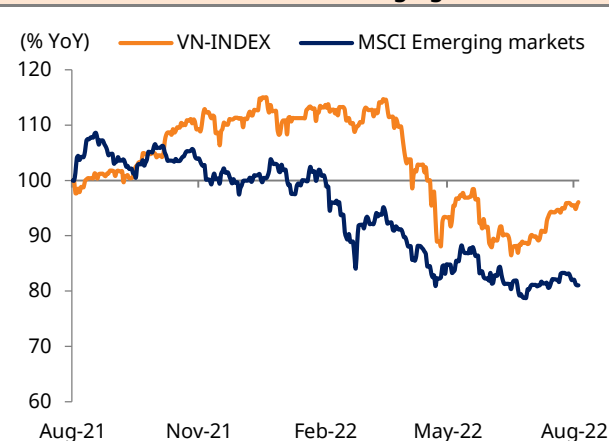
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. VN-Index và USD/VND**



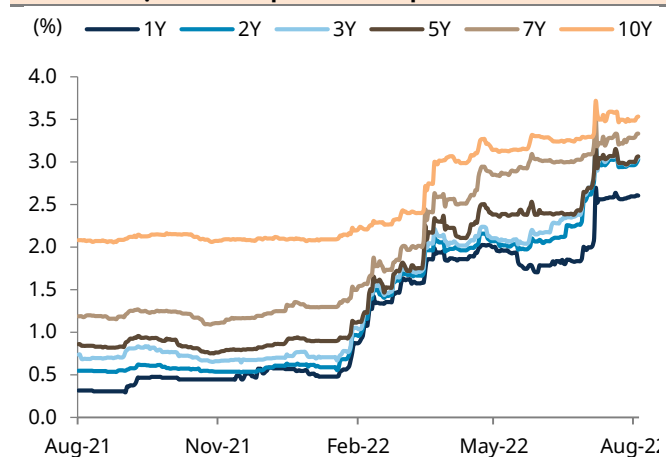
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. VN Index và MSCI Emerging Markets**



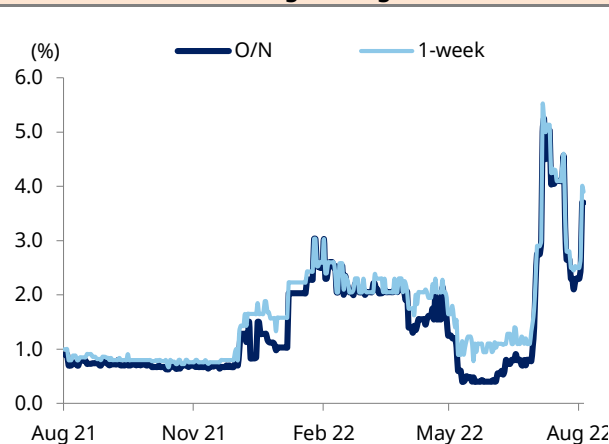
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

| Tên công ty                             | Mã              | Giá<br>(VND)    | Vốn hóa<br>(VND bn) | Sở hữu khối ngoại<br>(%) | Biến động giá (%) |             |            |             | P/E (x)*    |             | P/B (x)*   |            | Tăng trưởng EPS (%)* |             | ROE (%)*    |             |
|-----------------------------------------|-----------------|-----------------|---------------------|--------------------------|-------------------|-------------|------------|-------------|-------------|-------------|------------|------------|----------------------|-------------|-------------|-------------|
|                                         |                 |                 |                     |                          | 1D                | 1W          | 1M         | 1Y          | 2021        | 2022        | 2021       | 2022       | 2021                 | 2022        | 2021        | 2022        |
| <b>VN-Index</b>                         | <b>VN-Index</b> | <b>1,277.16</b> | <b>5,053,342</b>    |                          | <b>0.5</b>        | <b>0.1</b>  | <b>6.9</b> | <b>-1.7</b> | <b>14.8</b> | <b>12.3</b> | <b>2.2</b> | <b>2.0</b> | <b>35.3</b>          | <b>19.9</b> | <b>15.5</b> | <b>19.6</b> |
| <b>VN30 Index</b>                       | <b>VN30</b>     | <b>1,296.41</b> | <b>3,498,971</b>    |                          | <b>0.3</b>        | <b>-0.3</b> | <b>5.5</b> | <b>-8.6</b> | <b>12.2</b> | <b>10.5</b> | <b>2.3</b> | <b>1.9</b> | <b>38.5</b>          | <b>15.3</b> | <b>19.6</b> | <b>21.9</b> |
| Asia Commercial Bank                    | ACB VN          | 24,850          | 83,929              | 30.0                     | 0.2               | -0.4        | 2.1        | -3.8        | 8.9         | 6.7         | 1.9        | 1.5        | 24.6                 | 31.9        | 23.5        | 24.8        |
| BIDV                                    | BID VN          | 39,300          | 198,800             | 16.9                     | -0.5              | -1.8        | 10.7       | 25.5        | 22.7        | 15.0        | 2.4        | 2.0        | 50.3                 | 51.8        | 11.0        | 16.3        |
| Bao Viet Holdings                       | BVH VN          | 56,900          | 42,238              | 26.6                     | 0.2               | 0.2         | 1.1        | 8.2         | 22.3        | 17.8        | 2.0        | 1.8        | 21.8                 | 25.3        | 9.2         | 9.0         |
| VietinBank                              | CTG VN          | 28,200          | 135,522             | 26.9                     | 0.7               | -3.1        | 4.8        | -13.9       | 9.6         | 7.2         | 1.5        | 1.2        | 18.2                 | 32.8        | 15.8        | 18.1        |
| FPT Corp                                | FPT VN          | 86,200          | 94,564              | 49.0                     | 0.2               | -2.4        | 1.3        | 12.6        | 23.8        | 18.3        | 5.2        | 4.5        | 21.5                 | 30.2        | 23.4        | 26.7        |
| PetroVietnam Gas JSC                    | GAS VN          | 117,300         | 224,506             | 3.0                      | 0.3               | 4.4         | 8.8        | 36.4        | 26.9        | 15.6        | 4.4        | 3.8        | 8.1                  | 72.7        | 16.8        | 25.1        |
| Vietnam Rubber Group                    | GVR VN          | 24,150          | 96,600              | 0.5                      | 0.8               | -1.6        | 2.8        | -29.0       | 23.2        | 19.8        | 2.0        | #N/A       | 10.3                 | 17.3        | 8.7         | 10.0        |
| HDBank                                  | HDB VN          | 25,900          | 52,116              | 18.0                     | 0.8               | -3.2        | 8.8        | -3.9        | 8.5         | 7.2         | 1.8        | 1.4        | 42.5                 | 18.1        | 23.3        | 22.9        |
| Hoa Phat Group JSC                      | HPG VN          | 23,500          | 136,647             | 20.5                     | -0.6              | -3.3        | 5.9        | -36.0       | 4.3         | 5.1         | 1.5        | 1.2        | 151.5                | -17.1       | 42.8        | 27.1        |
| Khang Dien House Trading and Investment | KDH VN          | 37,750          | 27,060              | 32.0                     | 0.1               | -3.9        | 3.4        | 9.3         | 23.2        | 18.9        | 2.6        | 2.3        | 3.1                  | 22.8        | 12.2        | 12.8        |
| MBBank                                  | MBB VN          | 23,300          | 105,642             | 19.4                     | 0.4               | 0.8         | 9.4        | -2.1        | 8.3         | 7.0         | 1.8        | 1.4        | 53.0                 | 19.5        | 23.6        | 24.0        |
| Masan Group Corp                        | MSN VN          | 111,900         | 159,315             | 28.8                     | -0.6              | 0.5         | 3.1        | 4.5         | 18.5        | 25.7        | 4.8        | 4.1        | 589.7                | -28.2       | 35.1        | 17.4        |
| Mobile World Investment Corp            | MWG VN          | 66,800          | 97,776              | 49.0                     | -0.1              | 2.8         | 3.6        | 24.9        | 19.4        | 15.8        | 4.7        | 3.3        | 18.2                 | 22.7        | 27.3        | 25.6        |
| No Va Land Investment Group Corp        | NVL VN          | 82,900          | 161,641             | 5.8                      | 1.1               | -1.8        | 12.2       | 2.9         | 45.6        | 31.3        | 4.6        | 4.0        | -18.7                | 45.4        | 10.6        | 15.1        |
| Phat Dat Real Estate Development Corp   | PDR VN          | 56,400          | 37,881              | 2.6                      | -0.4              | -3.1        | 8.0        | -10.6       | 21.0        | #N/A        | 5.4        | #N/A       | 53.5                 | #N/A        | 29.3        | #N/A        |
| Vietnam National Petroleum Group        | PLX VN          | 43,800          | 55,652              | 17.6                     | -0.5              | 2.7         | 4.8        | -10.2       | 24.5        | 22.0        | 2.2        | 2.1        | 160.6                | 11.6        | 9.7         | 10.3        |
| Vietnam International Commercial JSC    | VIB VN          | 25,100          | 52,903              | 20.5                     | -0.4              | -4.0        | -4.2       | -5.5        | 8.3         | 6.4         | 2.2        | 1.6        | 39.0                 | 31.1        | 29.9        | 28.2        |
| PetroVietnam Power Corp                 | POW VN          | 14,050          | 32,903              | 2.4                      | 1.1               | 0.7         | 6.8        | 33.2        | 18.6        | 18.2        | 1.1        | 1.0        | -24.2                | 1.9         | 6.2         | 6.1         |
| Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp   | SAB VN          | 187,000         | 119,920             | 62.8                     | -1.6              | -0.8        | 12.7       | 31.3        | 34.0        | 25.9        | 5.7        | 5.0        | -22.9                | 31.1        | 17.1        | 20.9        |
| SSI Securities Corp                     | SSI VN          | 25,250          | 37,601              | 25.0                     | -0.6              | 2.9         | 20.8       | -33.5       | 10.4        | 10.0        | 1.9        | 1.5        | 100.3                | 3.6         | 21.0        | 19.1        |
| Sacombank                               | STB VN          | 25,400          | 47,884              | 23.0                     | 1.6               | 0.0         | 10.4       | -6.8        | 15.6        | 12.7        | 1.4        | 1.3        | 30.6                 | 23.1        | 9.5         | 11.5        |
| Techcombank                             | TCB VN          | 39,250          | 137,803             | 22.5                     | 1.2               | -0.1        | 5.8        | -19.9       | 7.6         | 6.3         | 1.5        | 1.2        | 46.1                 | 20.5        | 21.7        | 21.0        |
| Tien Phong Bank                         | TPB VN          | 28,100          | 44,447              | 30.0                     | 0.4               | -2.1        | 0.2        | 11.4        | 8.7         | 7.2         | 1.7        | 1.4        | 28.5                 | 20.3        | 22.6        | 21.2        |
| Vietcombank                             | VCB VN          | 82,000          | 388,066             | 23.5                     | 2.2               | 0.6         | 13.1       | 7.9         | 19.5        | 14.4        | 3.6        | 2.8        | 19.7                 | 35.5        | 19.6        | 21.4        |
| Vinhomes JSC                            | VHM VN          | 59,700          | 259,956             | 23.2                     | 0.3               | -2.6        | 1.7        | -27.7       | 6.6         | 8.3         | 2.1        | 1.7        | 40.9                 | -20.5       | 36.9        | 21.6        |
| Vingroup JSC                            | VIC VN          | 64,900          | 247,524             | 12.3                     | -0.2              | -3.6        | -2.4       | -32.0       | #N/A        | 263.8       | 2.4        | 2.4        | -145.6               | 135.9       | -2.8        | 8.4         |
| Vietjet Aviation JSC                    | VJC VN          | 123,500         | 66,889              | 16.6                     | 0.0               | 0.0         | -1.7       | 0.6         | 888.5       | 44.2        | 4.0        | #N/A       | 6.1                  | 1,911.5     | 0.5         | 8.5         |
| Vietnam Dairy Products JSC              | VNM VN          | 77,700          | 162,390             | 54.6                     | 2.5               | 7.0         | 7.9        | -10.0       | 17.2        | 18.2        | 4.9        | 4.7        | -5.3                 | -5.5        | 29.3        | 27.5        |
| VPBank                                  | VPB VN          | 31,400          | 140,530             | 17.5                     | 0.6               | 4.1         | 11.5       | -7.3        | 11.9        | 7.2         | 1.8        | 1.4        | 11.6                 | 65.5        | 17.9        | 21.3        |
| Vincom Retail JSC                       | VRE VN          | 28,600          | 64,988              | 32.2                     | -0.9              | -3.1        | 10.0       | 9.4         | 49.5        | 28.4        | 2.1        | 2.0        | -44.8                | 74.1        | 4.4         | 7.2         |

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.